

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 15/4/2021

V/v " Tranh chấp đất đai "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông; Nguyễn Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông; Nguyễn Phương Phú và ông Phan Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông; Nguyễn Bá Anh

Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa : Bà; Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021. Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương.
Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST - DS ngày 17/11/2020, về việc tranh chấp đất đai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh; Lữ Văn X, sinh năm 1984 và chị Ốc Thị D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản Thanh Yên, xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông; Cụt May L, sinh năm 1971 và bà Moong Thị C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Bản Thanh Yên, xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

2.2. Anh; Cụt Văn C, sinh năm 1983 và chị Vi Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản Thanh Yên, xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D trình bày như sau:

Vợ chồng anh chị kết hôn năm 2003 ở xã Kim Đa, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Tháng 11/2009 thực hiện chủ trương di dân tái định cư Thủy Điện Bản Vẽ, nên vợ chồng đã được Nhà nước chuyển từ xã Kim Đa, huyện Tương Dương về sinh sống tại xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Năm 2012, vợ chồng có 04 nhân khẩu gồm vợ chồng và 02 con; nên đã được Nhà nước giao cho 02 thửa đất theo Phiếu giao nhận diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng, có số thửa số 36, tờ bản đồ địa chính số 27, có diện tích là 6.819,5 m² và thửa đất số 34, tờ bản đồ số 27 có diện tích 6.023,9 m².

Sau khi được giao đất thì thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 đã bị gia đình anh Cụt May L và chị Moong Thị C chiếm dụng khoảng 3.000 m² đất và hiện nay gia đình đã trồng các cây Keo Tràm khoảng 01 năm tuổi, trên phần đất đã lấn chiếm.

Đồng thời thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 cũng đã bị gia đình anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N chiếm dụng khoảng 3.819,5 m² đất và hiện nay gia đình đã trồng các cây Keo Tràm khoảng 03 năm tuổi, trên phần đất đã lấn chiếm.

Sau khi bị 02 gia đình này lấn chiếm, vợ chồng đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã TS và chính quyền đã hòa giải nhiều lần và nói rõ 02 gia đình này không có giấy tờ gì cả, đề nghị trả lại đất cho vợ chồng, nhưng 02 gia đình này không trả.

Nay vợ chồng anh chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc 02 gia đình trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm của vợ chồng.

Đối với các cây Keo Tràm mà vợ chồng anh Cụt May L đã trồng, thì vợ chồng đồng ý nhận lại và trả tiền bằng trị giá các cây Keo Tràm cho vợ chồng Cụt May L đã bỏ ra trồng.

Đối với các cây Keo Tràm mà vợ chồng Cụt Văn C đã trồng, thì vợ chồng đề nghị vợ chồng Cụt Văn C và Vi Thị N thu hoạch trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho vợ chồng, hoặc vợ chồng đồng ý nhận lại và trả tiền bằng trị giá các cây Keo Tràm cho vợ chồng Cụt Văn C đã bỏ ra trồng.

Ngoài các ý kiến trên, hai vợ chồng không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

** Tại phiên tòa vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết bị đơn bà Moong Thị C và con trai trình bày như sau:*

Vợ chồng bà đã nhận được đầy đủ Thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập làm việc của Tòa án về việc tranh chấp đất đai với vợ chồng anh Lữ Văn X; Chồng bà Moong Thị C tên là Cụt May L, sinh năm 1971, song không có ai chờ đi và bận công việc trông nhà nên không đi xuống Tòa án làm việc được.

Hai vợ chồng chúng tôi trước đây sống ở Tương Dương, năm 2009 thì di dân từ Thủy điện Bản vẽ ở huyện Tương Dương về xã TS, huyện Thanh Chương sinh sống tại đây, theo chủ trương của Nhà nước.

Cuối năm 2009 xuống đây sinh sống được một thời gian, đến cuối năm 2012 vợ chồng thấy vùng đất này không có ai sử dụng, nên đã phát sẻ tiến hành trồng cây và được nhà nước giao cho vùng đất này và được UBND xã TS đo đạc và bảo gia đình sử dụng luôn, đến cuối năm 2014 thì trồng Keo trầm và đến năm 2019 thì tiến hành thu hoạch và đầu năm 2020 thì tiến hành trồng lại các cây Keo trầm trên đó.

Vùng đất đang tranh chấp này vợ chồng không biết số thửa, tờ bản đồ bao nhiêu cả, vợ chồng chỉ biết khi xuống thấy đất trống là sử dụng từ đó đến nay.

Năm 2018 thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng anh Lữ Văn X, vợ chồng anh Lữ Văn X nói là đất của vợ chồng anh Lữ Văn X đã được nhà nước giao đất.

Việc tranh chấp đất đai đã được UBND xã TS hòa giải, vợ chồng ông bà khẳng định mảnh đất đang tranh chấp với vợ chồng anh Lữ Văn X là của vợ chồng ông bà, vợ chồng bắt đầu sử dụng từ cuối năm 2012 để trồng sắn và cuối năm 2014 thì trồng cây Keo Trầm.

Vợ chồng chúng tôi khẳng định vật đất này là thuộc quyền sử dụng của cả hai vợ chồng, ngoài ra không thuộc quyền sử dụng của ai cả.

Nay vợ chồng anh Lữ Văn X khởi kiện nói trả lại cho vợ chồng anh Lữ Văn X, vợ chồng bà Moong Thị C không nhất trí.

** Tại phiên tòa vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết bị đơn chị Vi Thị N trình bày như sau:*

Vợ chồng chị đã nhận được đầy đủ Thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập làm việc của Tòa án về việc tranh chấp đất đai với vợ chồng anh Lữ Văn X; Chồng chị Vi Thị N tên là Cụt Văn C, sinh năm 1983, chồng bận công việc trông nhà nên không đi xuống Tòa án làm việc được.

Hai vợ chồng chúng tôi trước đây sống ở Tương Dương, năm 2009 thì di dân từ Thủy điện Bản vẽ ở huyện Tương Dương về xã TS, huyện Thanh Chương sinh sống tại đây, theo chủ trương của Nhà nước về việc di dân để xây dựng Thủy điện.

Năm 2012, vợ chồng anh chị được Ban thủy điện 2 và UBND xã TS giao cho 03 mảnh đất, trong đó có mảnh đất đang tranh chấp với vợ chồng anh Lữ Văn X. Khi được giao đất không có giấy tờ gì cả, cán bộ đến chỉ cho cho vùng đất đó và nói là giao cho vợ chồng, diện tích bao nhiêu vợ chồng không rõ, anh chị cũng không biết số thửa, tờ bản đồ bao nhiêu cả.

Sau đó vợ chồng cây Keo trầm và đến 2017 thì thu hoạch; năm 2018 thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng anh Lữ Văn X, vợ chồng anh Lữ Văn X nói là đất của vợ chồng anh Lữ Văn X được nhà nước giao đất. Đồng thời cuối năm 2018 vợ chồng tiến hành trồng các cây Keo trầm trên diện tích khoảng hơn 3.500 m². Việc tranh chấp đất đai đã được UBND xã TS hòa giải, vợ chồng khẳng định mảnh đất đang tranh chấp với vợ chồng anh Lữ Văn X là của vợ chồng, trước đây được Ban 2 và UBND xã TS giao cho sử dụng, vợ chồng đã trồng cây Keo Trầm một vụ và đã thu hoạch và năm 2018, rồi mới tiếp tục trồng vụ thứ hai.

Vợ chồng anh chị khẳng định mảnh đất này là thuộc quyền sử dụng của cả hai vợ chồng, ngoài ra không thuộc quyền sử dụng của ai cả.

Nay vợ chồng anh Lữ Văn X khởi kiện nói trả lại cho vợ chồng anh Lữ Văn X, vợ chồng anh chị không nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, cho nên đề nghị xét xử bình thường; trong quá trình điều tra Tòa án chưa xác minh làm rõ cơ sở pháp lý việc UBND xã TS giao các thửa đất cho vợ chồng Lữ Văn X; Đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập các tài liệu việc giao đất và cơ sở pháp lý UBND xã giao đất cho vợ chồng Lữ Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS, huyện Thanh Chương. Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Đối với bị đơn là ông Cụt May L và ông Cụt Văn C, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bị đơn này, nhưng tại phiên tòa hôm nay là lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Cho nên Tòa án vẫn xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Năm 2009, thực hiện Nghị định số 07/2009/CP của Chính phủ về việc thành lập xã TS, huyện Thanh Chương, để thực hiện việc di dân tái định cư từ huyện Tương Dương về huyện Thanh Chương để xây dựng Thủy điện Bản Vẽ.

Năm 2012, vợ chồng anh Lữ Văn X được UBND xã TS giao cho thửa đất số 34 và 36 tờ bản đồ số 27 xã TS để sử dụng làm đất nông nghiệp hàng năm khác.

Quá trình sử dụng thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông Cụt Văn Là và vợ chồng anh Cụt Văn C; việc tranh chấp đất đai đã được UBND xã TS tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Vợ chồng ông Cụt Văn Là thì cho rằng năm 2012 thấy vùng đất này trống nên tiến hành phát sê để sử dụng và đã được UBND xã TS giao cho mảnh đất này luôn, cho nên thửa đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng.

Vợ chồng anh Cụt Văn C thì cho rằng năm 2012 vợ chồng được UBND xã TS giao cho thửa đất này, nên đã sử dụng trồng Keo Tràm từ cuối năm 2014 đến nay, cho nên thửa đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng.

Việc tranh chấp đất đai giữa các bên đã được UBND xã TS hòa giải nhưng không thành, nên nguyên đơn đã khởi kiện đến Tòa án.

[3] Kết quả thẩm định; định giá và xác minh cho thấy:

3.1. Kết quả thẩm định cho thấy:

Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS có diện tích 6.819 m²; hiện nay vợ chồng ông Cụt May L và bà Moong Thị C đang sử dụng một phần có diện tích 2.979 m² và đã trồng các cây Keo tràm trên diện tích này khoảng 01 năm tuổi.

Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS; hiện nay vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N đang sử dụng một phần có diện tích 3.840 m² và đã trồng các cây Keo tràm trên diện tích này khoảng 03 năm tuổi.

3.2. Kết quả định giá:

Quá trình giải quyết các bên đã thống nhất giá đất: 5.000 đồng/ 01 m²; giá các cây Keo Tràm khoảng 1,5 năm tuổi trở lại có giá: 30.000.000 đồng/ 01 ha; giá các cây Keo Tràm khoảng 04 năm tuổi trở lại có giá: 40.000.000 đồng/ 01 ha.

3.3. Kết quả xác minh cho thấy:

Kết quả xác minh tại UBND xã TS cho thấy năm 2009, xã TS được thành lập để thực hiện việc di dân tái định cư từ huyện Tương Dương về đây sinh sống; UBND xã TS đã phối hợp với Ban quản lý Thủy điện 2 và Đơn vị tư vấn đã cùng UBND huyện Thanh Chương tiến hành thu hồi đất một phần từ xã Hạnh Lâm và một phần từ xã Thanh Mỹ để thành lập xã TS. UBND xã TS đã tiến hành giao đất cho các hộ dân di dân về tái định cư tại xã TS. Vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D đã được UBND xã TS giao cho thửa đất số 34 và 36 tờ bản đồ số 27 để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác.

Vợ chồng ông Cụt May L cũng được UBND xã giao cho các thửa đất số 15, 133, 132, 108, 99, 126 tờ bản đồ số 27 xã TS.

Vợ chồng anh Cụt Văn C được UBND xã TS giao cho các thửa đất số 140, thửa số 4, thửa số 37 tờ bản đồ số 27; thửa số 54, 55, 59 tờ bản đồ số 81 xã TS.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Việc bên nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả lại diện tích đã lấn chiếm của thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS là có căn cứ.

Vì thửa đất này vợ chồng anh Lữ Văn X đã được UBND xã TS giao cho theo Phiếu giao nhận diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng năm 2012 khi thực hiện việc di dân tái định cư từ huyện Tương Dương về xã TS, huyện Thanh Chương sinh sống.

Kết quả xác minh tại UBND xã TS phù hợp với ý kiến của bên nguyên đơn và Phiếu giao nhận đất mà nguyên đơn đã cung cấp.

[5] Xét ý kiến của bị đơn:

5.1. Xét ý kiến của vợ chồng ông Cụt May L và Moong Thị C là không có căn cứ để chấp nhận, ngoài lời khai nại ra bị đơn không có chứng cứ nào chứng

minh là vợ chồng được Ban Thủy điện 2 và UBND xã TS giao cho thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 này; thửa đất mà vợ chồng được UBND xã TS giao là các thửa đất số 15, 133, 132, 108, 99, 126 tờ bản đồ số 27 xã TS; hoàn toàn không có thửa đất số 36 tờ bản đồ số 27 như ý kiến của vợ chồng ông Cụt May L.

5.1. Xét ý kiến của vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N là không có căn cứ để chấp nhận, ngoài lời khai nại ra bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh là vợ chồng được UBND xã TS giao cho 03 thửa đất, trong đó có thửa số 36, tờ bản đồ số 27 này. Thửa đất mà vợ chồng được UBND xã TS giao là thửa số 140, thửa số 4, thửa số 37 tờ bản đồ số 27; thửa số 54, 55, 59 tờ bản đồ số 81 xã TS; hoàn toàn không có thửa đất số 36 tờ bản đồ số 27 như ý kiến của vợ chồng anh Cụt Văn C.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, xác minh làm rõ cơ sở pháp lý UBND xã giao đất cho vợ chồng Lữ Văn X, là không có căn cứ để tạm ngừng phiên tòa; vì Kiểm sát viên không chỉ rõ là tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu cụ thể nào; còn Tòa án đã tiến hành xác minh làm việc với UBND xã TS để làm rõ về việc giao thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 cho vợ chồng anh Lữ Văn X, đó là căn cứ vào Nghị định số 07/2009/CP của Chính phủ về việc thành lập xã TS, huyện Thanh Chương, nhằm thực hiện việc di dân tái định cư cho người dân từ huyện Tương Dương về sinh sống tại xã TS, UBND huyện Thanh Chương đã thu hồi một phần diện tích đất của xã Hạnh Lâm và xã Thanh Mỹ để hình thành xã TS và xã TS đã tiến hành giao đất cho người dân tái định cư về xã TS, huyện Thanh Chương.

[7] Vì vậy cần buộc bị đơn là vợ chồng ông Cụt May L trả lại diện tích 2.979 m² đã lấn chiếm của thửa đất số 36 tờ bản đồ số 27 xã TS, trị giá: 14.895.000 đồng cho vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D.

Cần buộc bị đơn là vợ chồng anh Cụt Văn C trả lại diện tích 3.840 m² đã lấn chiếm của thửa đất số 36 tờ bản đồ số 27 xã TS, trị giá: 19.200.000 đồng cho vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D.

Là hoàn toàn phù hợp với Điều 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 105, 202, 203 Luật đất đai.

[8] Đối với các tài sản trên đất:

Kết quả thẩm định cho thấy trên thửa đất 36, tờ bản đồ số 27 xã TS vợ chồng ông Cụt May L và bà Moong Thị C đã trồng một số cây Keo trầm khoảng 01 năm tuổi trên diện tích đất đã lần chiếm trị giá: 8.937.000 đồng.

Kết quả thẩm định cho thấy trên thửa đất 36 tờ bản đồ số 27 xã TS vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N đã trồng một số cây Keo trầm khoảng 03 năm tuổi trên diện tích đất đã lần chiếm trị giá: 15.360.000 đồng.

Xét thấy nguyên đơn đồng ý nhận lại các cây Keo Trầm và xét thấy cần đảm bảo trị giá của tài sản là các cây Keo trầm nếu phải di chuyển đi sẽ làm mất giá trị. Cho nên cần giao các tài sản này cho nguyên đơn được quyền sở hữu và nguyên đơn có trách nhiệm trả lại trị giá tài sản cho bị đơn.

[9] Về án phí; chi phí định giá và thẩm định tại chỗ:

9.1. Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Nguyên đơn là hộ nghèo, nên được miễn tiền án phí phần tài sản.

Xét thấy các bị đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại địa bàn đặc biệt khó khăn, nên miễn tiền án phí cho các bị đơn.

9.2. Về chi phí thẩm định tại chỗ:

Các chi phí thẩm định tại chỗ hết: 7.571.345 đồng

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cho nên các bị đơn phải có trách nhiệm chịu các chi phí thẩm định tại chỗ mà nguyên đơn đã bỏ ra theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26; Điều 147; 157; 165; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 255, 256, Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 101, 202, 203 Luật đất đai. Điều 12; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xứ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D.

2. Buộc vợ chồng ông Cụt May L và bà Moong Thị C, có trách nhiệm trả lại diện tích đã lấn chiếm: 2.979 m² của thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trị giá: 14.895.000 đồng, cho vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D.

(Chi tiết phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, A, 26, 27, 28, 29, 30 và 1 có trong sơ đồ kèm theo).

3. Buộc vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N, có trách nhiệm trả lại diện tích đã lấn chiếm: 3.840 m² của thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trị giá: 19.200.000 đồng, cho vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D.

(Chi tiết phần đất được giới hạn bởi các điểm 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, A và 11 có trong sơ đồ kèm theo).

4. Giao cho vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D được quyền sở hữu số cây Keo tràm khoảng 01 năm tuổi mà vợ chồng ông Cụt May L và bà Moong Thị Chắt đã trồng trên đất đã lấn chiếm của thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trị giá: 8.937.000 đồng (*Tám triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng*).

Vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D, có trách nhiệm trả lại: 8.937.000 đồng (*Tám triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng*) cho vợ chồng ông Cụt May L và bà Moong Thị C, trị giá của các cây Keo tràm khoảng 01 năm tuổi, mà vợ chồng ông Cụt May L đã trồng nằm trên phần đất đã lấn chiếm của thửa đất số 36 tờ bản đồ số 27 xã TS, huyện Thanh Chương.

5. Giao cho vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D được quyền sở hữu số cây Keo tràm khoảng 03 năm tuổi mà vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N đã trồng trên đất đã lấn chiếm của thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27 xã TS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trị giá: 15.360.000 đồng (*Mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D, có trách nhiệm trả lại: 15.360.000 đồng (*Mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng*) cho vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N, trị giá của các cây Keo tràm khoảng 03 năm tuổi, mà vợ chồng anh Cụt Văn C đã trồng nằm trên phần đất đã lấn chiếm của thửa đất số 36 tờ bản đồ số 27 xã TS, huyện Thanh Chương.

6. Về án phí, chi phí định giá và thẩm định:

6.1. Về án phí:

Miễn tiền án phí phân tài sản (trị giá cây Keo Tràm) cho vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D.

Miễn tiền án phí dân sự cho vợ chồng ông Cụt May L và bà Moong Thị C.

Miễn tiền án phí dân sự cho vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N.

6.2. Về Chi phí thẩm định tại chỗ:

Buộc vợ chồng ông Cụt May L và bà Moong Thị C, có trách nhiệm hoàn trả lại vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D, số tiền chi phí thẩm định đã bỏ ra là: 3.785.672 đồng (*Ba triệu, bảy trăm tám lăm ngàn, sáu trăm bảy hai đồng*).

Buộc vợ chồng anh Cụt Văn C và chị Vi Thị N, có trách nhiệm hoàn trả lại vợ chồng anh Lữ Văn X và chị Ốc Thị D, số tiền chi phí thẩm định đã bỏ ra là: 3.785.673 đồng (*Ba triệu, bảy trăm tám lăm ngàn, sáu trăm bảy ba đồng*).

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND, VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự h/Thanh Chương
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trọng Sơn

